



Xác định chữ cái nào thể hiện tốt nhất trọng lượng.

Câu trả lời

Grams (g)

Un gramo es aproximadamente el peso de un clip.

**Kilogramo (kilogramo)**

Un kilogramo es aproximadamente el peso de un libro grueso.

**Recuerda:**

Kilo significa 1,000. Entonces, un kilogramo son 1,000 gramos.

1 kilogramo también pesa aproximadamente lo mismo que 2 libras.

1)



Khối lượng của một túi nước trái cây

- A. 200 kilograms
- B. 2 grams
- C. 50 kilograms
- D. 200 grams

2)



Khối lượng của một bao cát đầm bốt nặng

- A. 500 grams
- B. 50 kilograms
- C. 50 grams
- D. 5000 kilograms

3)



Khối lượng của một quả dâu tây lớn

- A. 1000 grams
- B. 25 kilograms
- C. 2 kilograms
- D. 25 grams

4)



Khối lượng của một ổ bánh mì

- A. 500 kilograms
- B. 500 grams
- C. 50 kilograms
- D. 5 grams

5)



Khối lượng của một máy chạy bộ

- A. 100 grams
- B. 10000 kilograms
- C. 200 grams
- D. 100 kilograms

6)



Khối lượng của một đồng penny

- A. 25 kilograms
- B. 1 kilogram
- C. 2.5 grams
- D. 200 grams

7)



Khối lượng của một chiếc lông vũ

- A. 50 kilograms
- B. 0.05 grams
- C. 500 grams
- D. 1 kilogram

8)



Khối lượng của một hộp sữa

- A. 500 kilograms
- B. 1 gram
- C. 1 kilogram
- D. 100 kilograms

9)



Khối lượng của một xe monster truck

- A. 5000 grams
- B. 5000 kilograms
- C. 50 kilograms
- D. 200 kilograms

1. _____
2. _____
3. _____
4. _____
5. _____
6. _____
7. _____
8. _____
9. _____

**Xác định chữ cái nào thể hiện tốt nhất trọng lượng.****Gram (g)**

Un gramo es aproximadamente el peso de un clip.

**Kilogramo (kilogramo)**

Un kilogramo es aproximadamente el peso de un libro grueso.

**Recuerda:**

Kilo significa 1,000. Entonces, un kilogramo son 1,000 gramos.

1 kilogramo también pesa aproximadamente lo mismo que 2 libras.

Câu trả lời

1)



Khối lượng của một túi nước trái cây

- A. 200 kilograms
- B. 2 grams
- C. 50 kilograms
- D. 200 grams

2)



Khối lượng của một bao cát đầm bốt nặng

- A. 500 grams
- B. 50 kilograms
- C. 50 grams
- D. 5000 kilograms

3)



Khối lượng của một quả dâu tây lớn

- A. 1000 grams
- B. 25 kilograms
- C. 2 kilograms
- D. 25 grams

4)



Khối lượng của một ổ bánh mì

- A. 500 kilograms
- B. 500 grams
- C. 50 kilograms
- D. 5 grams

5)



Khối lượng của một máy chạy bộ

- A. 100 grams
- B. 10000 kilograms
- C. 200 grams
- D. 100 kilograms

6)



Khối lượng của một đồng penny

- A. 25 kilograms
- B. 1 kilogram
- C. 2.5 grams
- D. 200 grams

7)



Khối lượng của một chiếc lông vũ

- A. 50 kilograms
- B. 0.05 grams
- C. 500 grams
- D. 1 kilogram

8)



Khối lượng của một hộp sữa

- A. 500 kilograms
- B. 1 gram
- C. 1 kilogram
- D. 100 kilograms

9)



Khối lượng của một xe monster truck

- A. 5000 grams
- B. 5000 kilograms
- C. 50 kilograms
- D. 200 kilograms

- 1. **D**
- 2. **B**
- 3. **D**
- 4. **B**
- 5. **D**
- 6. **C**
- 7. **B**
- 8. **C**
- 9. **B**